

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM SÁCH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Luận; bà Trần Thị Liên.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Thư ký

Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị La - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 228/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Minh H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Mạc Thị T, sinh năm 1984;

ĐKKHKT: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương;

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Bà Phan Thị R, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Trần Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/4/2002 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống ở thôn Q, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng chung sống đôi khi cũng có những mâu thuẫn nhưng anh đều bỏ qua. Năm 2016, do kinh tế khó khăn nên anh chị thống nhất để cho chị T sang nước Nga lao động. Khi chị T sang Nga lại không chịu khó làm việc, ngoài ra anh còn nghe nhiều thông tin qua điện thoại về việc chị T có quan hệ bất chính với người khác nhưng anh vẫn tin tưởng chị T. Đến tháng 5/2017 chị T về nước trước thời hạn vì chị T giả vờ bị ma nhập, về nhà chị T vẫn tiếp tục giả bệnh, gọi cả bố chồng là thẳng, đòi lập điện thờ nhưng anh không đồng ý. Thời gian đó chị T hay bỏ nhà đi, sau này anh mới biết là chị T đi gặp tình nhân. Sau đó có 1 người con gái tự xưng tên L ở thành phố H (còn họ, tên, địa chỉ cụ thể anh cũng không rõ) đến nhà anh đánh ghen chị T, anh phải đưa chị L về nhà anh trai của chị T để nói chuyện, còn chị T thì bỏ nhà đi từ đó không về nữa. Kể từ đó anh và chị T cũng không quan tâm đến nhau, có 1 vài lần chị T về nhà nói chuyện xin lỗi anh và nói là do bị cuộc sống xô đẩy nên không làm chủ được bản thân. Anh thấy rằng chị T không nhận thực được sai lầm của mình nên anh không thể tha thứ cho chị T được. Tháng 8/2017 anh đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với chị T đến Tòa án, Tòa án đã thụ lý vụ án, sau đó anh cũng muốn cho chị T một cơ hội để vợ chồng tìm cách khắc phục mâu thuẫn nên đã rút đơn về, tuy nhiên sau đó anh và chị T vẫn không thể hòa giải được. Đến nay anh nhận thấy, anh và chị T không có khả năng hàn gắn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là Trần Thị Quỳnh C1, sinh ngày 10/6/2003, Trần Quốc A, sinh ngày 23/6/2005 và Trần Thị Kim C2, sinh ngày 22/01/2012. Hiện nay cả ba con đang ở với anh. Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con lớn là Trần Thị Quỳnh C1, Trần Quốc A, để cho chị Thỏa nuôi con nhỏ là Trần Thị Kim C2, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Nếu chị Thỏa không nuôi con thì anh sẽ nhận nuôi cả 3 con. Hiện nay anh đang làm công an viên ở xã Đ, ngoài ra kết hợp làm nông nghiệp và làm lao động tự do, tổng thu nhập của hàng tháng được khoảng 10 triệu đồng. Về nhà ở thì anh cũng đã có nhà riêng, xây trên đất của bố mẹ, thời gian anh đi làm thì có bố mẹ để hỗ trợ anh chăm sóc các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết, anh sẽ tự thỏa thuận với chị T nếu không được sau này sẽ yêu cầu sau.

Theo biên bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Mạc Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, thời gian kết hôn như anh H trình bày là chính xác. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống cùng nhau và ở cùng với bố mẹ anh H. Được khoảng 1 tháng thì được bố mẹ cho ra ở riêng, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 8/2016 chị đi lao động ở Nga, như do sức khỏe yếu nên chỉ được 7 tháng thì chị phải về nước. Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ghen tuông, ghi ngờ chị có quan hệ với người khác, anh H có nhiều lời nói xúc phạm chị, chị đã giải thích nhưng anh H không tin tưởng chị. Do mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên tháng 6/2017 chị phải về nhà bố mẹ để ở thôn M, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương sống. Sau đó anh H nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, nhưng lại rút đơn về. Tuy nhiên chị và anh H vẫn không hòa giải được mâu thuẫn. Tại phiên hòa giải ngày 25/12/2017 chị và anh H đã thống nhất vợ chồng thuận tình ly hôn nhưng sau đó chị thay đổi ý kiến, chị không đồng ý ly hôn, anh H muốn ly hôn thì đơn phương giải quyết tại Tòa.

Về con chung: Chị và anh H có 3 con chung là Trần Thị Quỳnh C1, sinh ngày 10/6/2003, Trần Quốc A, sinh ngày 23/6/2005 và Trần Thị Kim C2, sinh ngày 22/01/2012. Hiện nay cả ba con đang ở với anh H. Anh H đề nghị để anh H nuôi hai con là Trần Thị Quỳnh C1, Trần Quốc A, còn chị nuôi con Trần Thị Kim C2, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau chị cũng nhất trí. Hiện nay chị đang làm công nhân công ty Y thu nhập trung bình 5.000.000đ/tháng và đang ở nhờ nhà của bố mẹ đẻ.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh H sẽ tự thỏa thuận về tài sản, nếu không thỏa thuận được chị sẽ yêu cầu giải quyết sau.

Cháu Trần Thị Quỳnh C1, Trần Quốc A trình bày: Các cháu là con của bố Trần Minh H, mẹ Mạc Thị T. Gia đình cháu có 3 anh chị em, hiện nay cả 3 chị em đều ở với bố, còn mẹ các cháu ở nhà ông bà ngoại. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn, các cháu có nguyện vọng được ở với bố.

Người làm chứng :

Bà Nguyễn Thị V - mẹ đẻ của anh H trình bày: Sau khi kết hôn anh H, chị T chung sống hạnh phúc, chỉ đến năm 2016 chị T đi lao động ở Nga về thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do thời gian ở Nga chị T có quan hệ bất chính với người khác dẫn đến vợ của người đó đến tận nhà bà đánh ghen, sau đó anh H chị T mâu thuẫn nghiêm trọng hơn, tháng 6/2017 chị T về nhà bố mẹ sống. Khi vợ chồng anh H mâu thuẫn bà đã

nhều lần hòa giải, động viên anh chị, nhưng đến nay vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn.

Bà Phạm Thị R - mẹ đẻ của chị T trình bày: Anh H và chị T sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, tháng 10 năm 2016 chị T đi lao động ở Nga, tháng 6/2017 chị T về nước, khi về nước chị T có biểu hiện không bình thường nên gia đình phải đưa chị T đi điều trị tại Bệnh viện thần kinh – G, tỉnh Hải Dương, sau khi điều trị, sức khỏe ổn định chị T về nhà được 2 ngày thì anh H đuổi chị T đi, chị T phải về nhà bà ở từ tháng 9/2017 cho đến nay. Thời gian chị T ở nhà bà anh H không đến thăm, không cho các con đến thăm mẹ. Sau đó anh H làm đơn xin ly hôn chị T nhưng lại rút đơn về. Kể từ đó anh H cũng không tìm gặp chị T để giải quyết mâu thuẫn. Gia đình bà và gia đình anh H đã gặp gỡ nói chuyện để hòa giải cho anh H, chị T nhưng anh H không đồng ý. Đến nay anh H lại tiếp tục làm đơn ly hôn chị T gửi đến Tòa án, bà mong muốn chị T và anh H đoàn tụ cùng nhau, nhưng cũng nhận thấy nếu anh chị về chung sống cùng nhau cũng không có hạnh phúc. Đối với số tiền bà cho vợ chồng anh H, chị T vay gia đình bà sẽ tự giải quyết, bà đã được nghe giải thích nhưng bà không nộp đơn yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Theo biên bản xác minh tại Công an xã Đ, Trưởng thôn Q: Anh H, chị T phát sinh mâu thuẫn từ khi chị T đi lao động ở nước ngoài về, vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau, lý do mâu thuẫn địa phương không rõ, thời gian đầu xảy ra mâu thuẫn thôn, xóm và đoàn thể tại địa phương cũng tổ chức hòa giải cho anh H chị T nhưng đến nay vợ chồng vẫn chưa đoàn tụ được, chị T về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 6/2017.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Nguyên đơn anh H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị T vì xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Về con chung đề nghị cho anh được tiếp tục nuôi 2 con chung là Trần Thị Quỳnh C1, Trần Quốc An, để cho chị T nuôi con là Trần Thị Kim C2, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; Về tài sản chung, nợ chung: anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị T trình bày: Anh H xin ly hôn chị không đồng ý; về con chung chị đồng ý với yêu cầu của anh H về việc để cho anh H tiếp tục nuôi hai con chung là Trần Thị Quỳnh C1, Trần Quốc A, chị nuôi con chung là Trần Thị Kim C2 hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho

nhau; về tài sản chung sau này chị sẽ nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Xử: Về quan hệ vợ chồng: cho anh H ly hôn chị T; Về con chung: Giao cho anh H tiếp tục nuôi hai con là Trần Thị Quỳnh C1, Trần Quốc A; giao chị T trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị Kim C2. Anh H, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Minh H, chị Mạc Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 22/4/2002, tại UBND xã Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Cụ thể từ năm 2016 chị T đi lao động ở Nga được khoảng 7 tháng thì về nước, kể từ khi chị T về nước vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không có sự cảm thông, chia sẻ cùng nhau. Khi anh chị mâu thuẫn thôn, đoàn thể tại thôn và gia đình hai bên cũng đã hòa giải, động viên anh chị tuy nhiên vợ chồng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Tháng 6/2017 chị T về nhà bố mẹ đẻ sống, kể từ đó anh chị sống ly thân. Tháng 8/2017 anh H nộp đơn ly hôn chị T đến Tòa án nhân dân huyện Nam Sách nhưng sau đó rút đơn, Tòa án đã đình chỉ vụ án. Tuy nhiên kể từ đó cho đến nay anh chị vẫn không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của anh H, chị T phù hợp với nhau, phù hợp với lời trình bày của người làm chứng, phù hợp với biên bản xác minh tại công an xã Đ, thôn Q. Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị T. Tại bản tự khai (BL22), biên bản ghi lời khai (BL26), biên bản hòa giải (BL34-37) chị T đều trình bày nếu anh H cương quyết ly hôn chị cũng đồng ý vì xác định vợ chồng không

thể tiếp tục chung sống, nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 28/12/2017(BL42) biên bản hòa giải ngày 16/01/2148(BL61-62) chị T lại trình bày chị không đồng ý ly hôn vì lý do anh H nộp đơn xin ly hôn thì anh H phải tự giải quyết đơn phương. Xét thấy chị T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, chị không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn. Nên có đủ cơ sở kết luận mâu thuẫn của anh H, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh H ly hôn với chị T.

[2] Về quan hệ con chung: Anh H, chị T có 3 con là Trần Thị Quỳnh C1, sinh ngày 10/6/2003, Trần Quốc A, sinh ngày 23/6/2005 và Trần Thị Kim C2, sinh ngày 22/01/2012. Hiện cả 3 con đang ở với anh H. Anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai con chung là Trần Thị Quỳnh C1, Trần Quốc A; để cho chị T được nuôi con chung là Trần Thị Kim C2, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Xét yêu cầu của anh H phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là Trần Thị Quỳnh C1, Trần Quốc A, phù hợp với đề nghị của chị T nên HĐXX căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của anh H tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Thị Quỳnh C1, Trần Quốc A; giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung là Trần Thị Kim C2, anh H, chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Anh H, chị T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Trần Minh H ly hôn chị Mạc Thị T.
2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Quỳnh C1 - sinh ngày 10/6/2003, Trần Quốc A - sinh ngày 23/6/2005 cho anh Trần Minh H tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung là Trần Thị Kim C2 - sinh ngày 22/01/2012 cho chị Mạc Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có

quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Án phí: Anh Trần Minh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nam Sách theo biên lai số AA/2016/0002117 ngày 12 tháng 12 năm 2017.

Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Dương sự;
- Chi cục T.H.A huyện Nam Sách;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Thu Thúy